CTCP Thiết bị Bưu điện (HNX: POT)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	18,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.1%	1.1%	6.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,421 - 19,891
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	359
Số lượng CPLH (CP)	19,430,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,805
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.39
EPS	97
P/E	191.3

Tỷ suất lợi nhuận

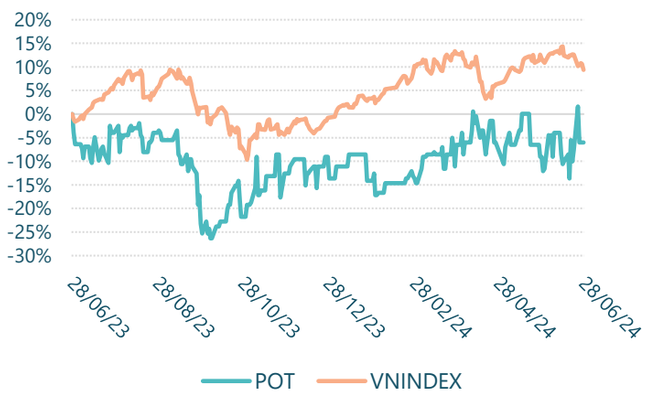

Doanh thu thuần

Q2/24

403

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 307 | 321%

YoY: ▲ 161 | 66.3%

Nợ/VCSH

Q2/24

567%

YoY: +/-▲ 1.7%

LN gộp

Q2/24

33.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.9 | 118%

YoY: ▲ 3.40 | 11.3%

ROE (TTM)

Q2/24

0.6%

YoY: +/-▼ 0.1%

LN trước thuế

Q2/24

0.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.31 | 350%

YoY: ▼0.41 | -50.0%

ROA (TTM)

Q2/24

0.1%

YoY: +/-▼ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24

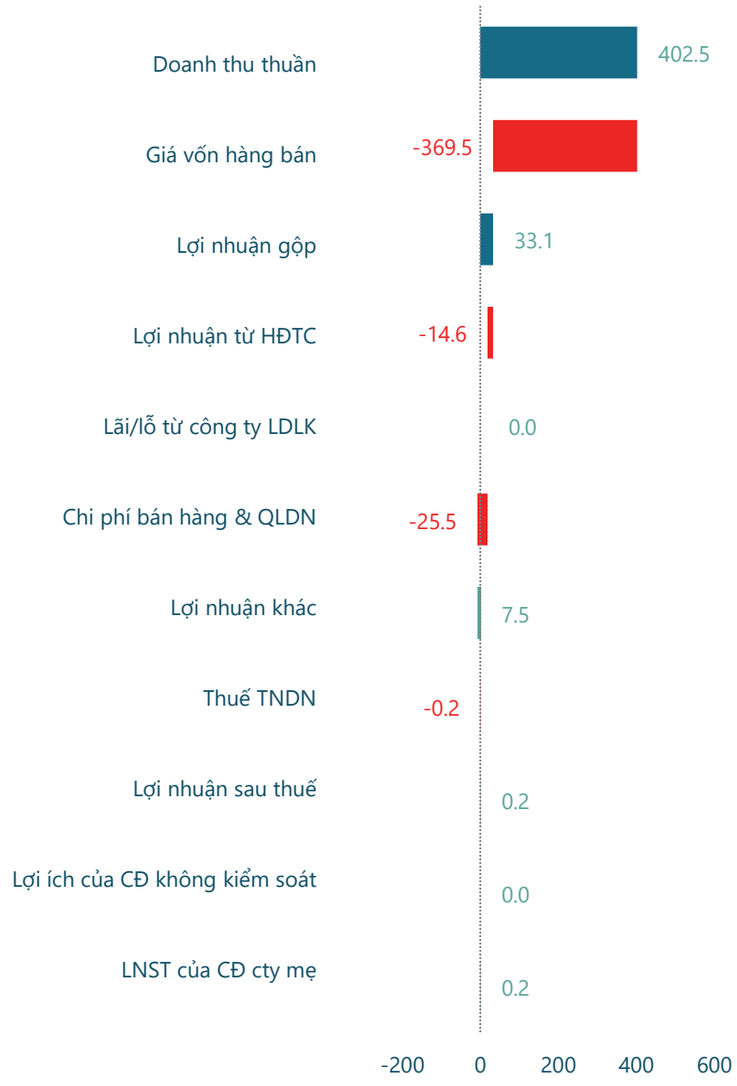

CTCP Thiết bị Bưu điện (HNX: POT)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

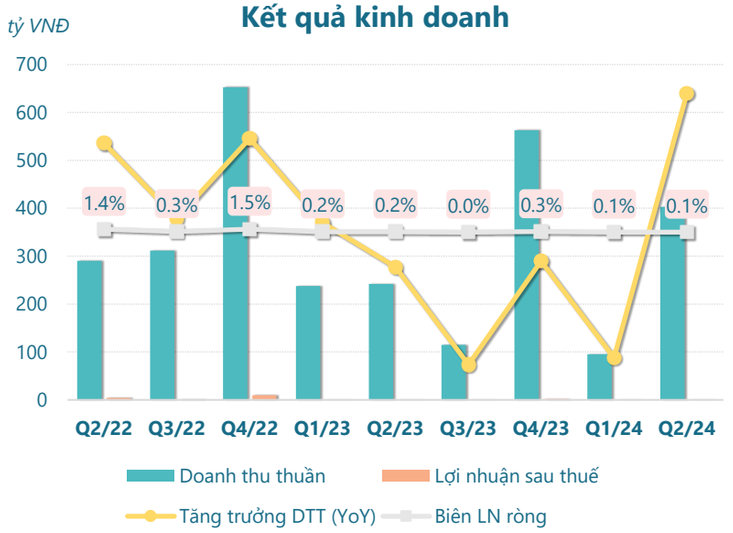

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 1709% so với kỳ trước và thấp hơn 496% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 14.64 tỷ đồng** giảm đi 9.02 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 3.14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 7.48 tỷ đồng**, tăng thêm 7.83 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 8.47 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

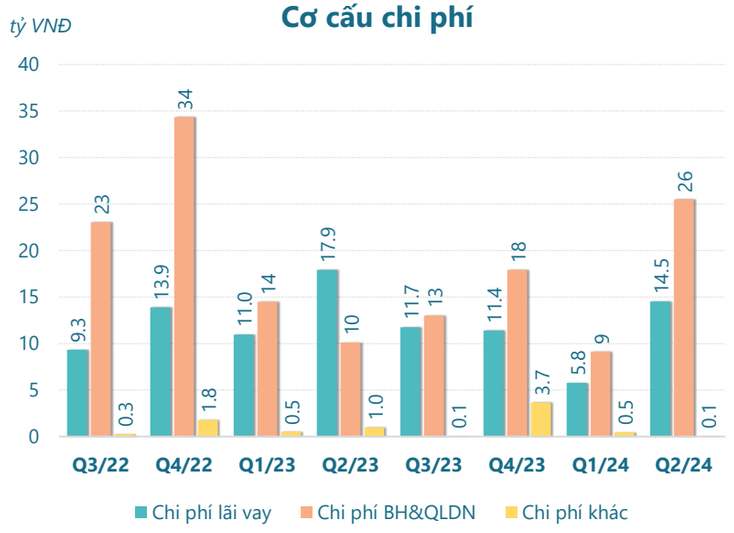

Kết quả kinh doanh của **POT** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **402.5 tỷ đồng** tăng thêm **66.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.24 tỷ đồng**, **giảm sút 41.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **498.0 tỷ đồng** cao hơn 3.75% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

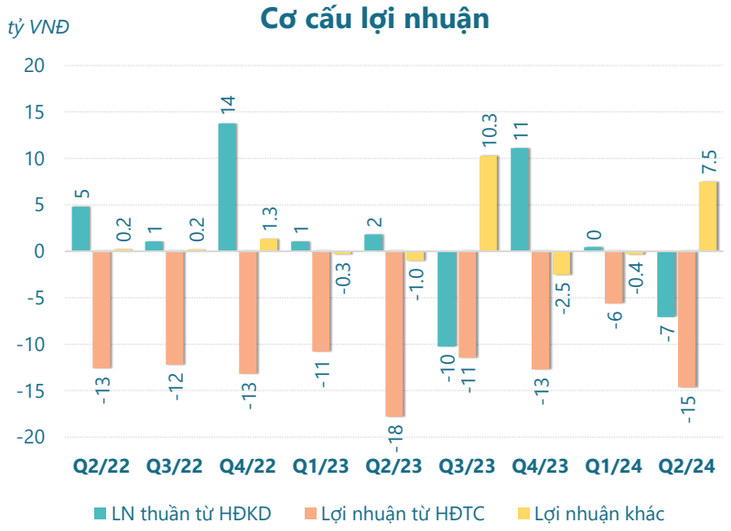

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **14.52 tỷ đồng** tăng thêm 152% so với kỳ trước và thấp hơn 19.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **25.50 tỷ đồng** tăng thêm 179% so với kỳ trước và cao hơn 152% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.05 tỷ đồng** giảm đi 89.1% so với kỳ trước và thấp hơn 95.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thiết bị Bưu điện (HNX: POT)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**403**	**95.6**	**321%**	**242**	**66.3%**	**498**	**480**	**3.8%**
Giá vốn hàng bán	369	80.4	360%	212	74.3%	450	424	6.1%
Lợi nhuận gộp	33.1	15.2	118%	29.7	11.3%	48.3	56.0	-13.8%
Doanh thu HĐTC	0.81	0.16	406%	0.39	108%	0.97	0.55	76.7%
Chi phí TC	15.5	5.78	167%	18.2	-15.1%	21.2	29.1	-27.1%
Chi phí lãi vay	14.5	5.77	152%	17.9	-18.9%	20.3	28.9	-29.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.55	2.21	15.3%	0.19	1241%	4.75	3.65	30.4%
Chi phí QLDN	**23.0**	**6.94**	**231%**	**9.92**	**131%**	**29.9**	**20.9**	**42.7%**
LN thuần từ HĐKD	-7.08	0.44	-1708%	1.79	-495%	-6.64	2.84	-334%
Lợi nhuận khác	**7.48**	**-0.35**	**2238%**	**-0.99**	**856%**	**7.13**	**-1.29**	**653%**
LN trước thuế	0.40	0.09	350%	0.81	-50.0%	0.49	1.55	-68.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.24**	**0.07**	**241%**	**0.41**	**-41.7%**	**0.31**	**0.97**	**-67.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.24**	**0.07**	**241%**	**0.41**	**-41.7%**	**0.31**	**0.97**	**-67.7%**

